

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 05/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; có đơn xin xử vắng mặt.

HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Tổ 1, khu B, phường N, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Bùi Xuân P1, sinh năm 1954

- Chị Đoàn Thị H1 sinh năm 1982

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1957

Địa chỉ: H3, N, Uông Bí, Quảng Ninh.

(Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt và trước đó đã đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị H và anh T kết hôn ngày 06/6/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 4/2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là ông Bùi Xuân P1 (bố đẻ anh T) và chị Đoàn Thị H1 (chị dâu anh T) thể hiện: Trước khi kết hôn, anh T và chị H đều đã có 01 đời vợ, đời chồng và có con riêng. Sau khi kết hôn, anh T và chị H thường xuyên cãi nhau, chị H không quan tâm tới anh T và con riêng của anh T. Chị H đã bỏ về nhà đẻ ở từ giữa năm 2017 đến nay, không liên lạc với gia đình chồng. Ngoài ra, ông Bùi Xuân P1 còn trình bày: Ông đã thông báo cho anh T nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do anh T bận công việc không thể đến Tòa án làm việc được, anh có nhờ ông trình bày với Tòa án ý kiến của anh như sau: Anh nhất trí ly hôn với chị H vì vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng anh không có con chung; không có tài sản, công sức, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người làm chứng là bà Nguyễn Thị H2 (mẹ đẻ chị H) trình bày mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H đã nêu trên.

* Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị H có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn

trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử chỉ Phạm Thị H ly hôn anh Bùi Xuân T. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị H, anh T chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm với nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị H, anh T không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229,

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Bùi Xuân T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001963 ngày 21/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung